TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 990/2023/HC-PT
Ngày: 21-11-2023
V/v: " *Khiếu kiện các quyết định hành hành trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở; Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2023/TLPT-HC ngày 12/6/2023 về việc: *"Khiếu kiện các quyết định hành chính trog lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2017/HC-ST ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2794/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Văn K, sinh năm 1935 (chết)
Nơi cư trú: Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh B.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1934, là vợ ông Trần Văn K;
2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1972, là con ruột ông Trần Văn K
3. Bà Trần Thị C, sinh năm 1975, là con ruột ông Trần Văn K
4. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1974, là con ruột ông Trần Văn K
5. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1978, là con ruột ông Trần Văn K
6. Ông Trần Văn D, sinh năm 1981, là con ruột ông Trần Văn K
7. Bà Trần Thị Bích C, sinh năm 1984, là con ruột ông Trần Văn K
8. Ông Trần Văn V, sinh năm 1985, là con ruột ông Trần Văn K.

Cùng cư trú tại: Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T1 và ông Trần Văn D: Bà Trần Thị T. (có mặt) (*Theo hợp đồng ủy quyền số 0445, quyển số 01/2016-TP/CC-SCC ngày 27/02/2016 tại Văn phòng công chứng Bình Long – Bình Phước*)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị C, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị Bích C và ông Trần Văn V: Bà Ngô Thị Hằng M, sinh năm 1987. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn La Mát, xã Phù Ủng, huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị C:

Luật sư Trịnh Duy Thanh**,** thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Đường 6/1, phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Tuệ H – Chủ tịch.

2. UBND huyện C, tỉnh Bình Phước

3. Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Bình Phước

Cùng địa chỉ: Khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Những người bị kiện xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Xóm 8, thôn Bắc Lâm, xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

2. Ông Hà Duy P, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố 1, thị trấn Chơn Thành, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Trần Mạnh C, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Xã Eatoh, huyện Krông Nông, tỉnh Đăk Lăk;

4. Ông Trần Kim T, sinh năm 1955 (đã chết)

Nơi cư trú: 104 Lô E, chung cư Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Kim T:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1955

Nơi đăng ký thường trú: 104 Lô E, Chung cư Lý Thường Kiệt, phường 7, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt

Tạm trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Trần Thị Đoan T, sinh năm 1982,

Nơi cư trú: 46 Lý Chiêu Hoàng, phường 10, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh;

3. Bà Trần Thị Tuyết Kim T, sinh năm 1984

Nơi cư trú: 39/1 Bic Lê Thị Hà, thị trấn Hóc Môn, huyện H, TP.Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Đoan T và bà Trần Thị Tuyết Kim T: Bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1955.

Thường trú: 104 Lô E, Chung cư Lý Thường Kiệt, phường 7, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

(*Theo giấy ủy quyền số 006559, quyển số 05/2016/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2016*).

Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Tuyết T:

Lê Hoàng A, sinh năm 1981 và Nguyễn Thị A, sinh năm 1983

Người tham gia tố tụng khác:

Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1978 - vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Minh Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Mạnh C, sinh năm 1985 - vắng mặt

Địa chỉ: 132/132 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết T; người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện ông Trần Văn K là bà Trần Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Văn K, đại diện những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện bà Nguyễn Ngọc Diễm H và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện bà Trần Thị T trình bày:

Năm 1985, gia đình ông Trần Văn K đến ấp 1, xã Minh Long, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé (Nay là ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh B) để lập nghiệp. Tại đây, gia đình ông Trần Văn K khai phá, sang nhượng và được cấp đất với tổng diện tích là 5,2 ha.

Ông Trần Văn K trình bày nguồn gốc đất như sau:

Về diện tích đất 6.080 m^2 ấp 6, xã Minh Long, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước:

Thời điểm năm 1993, ông Trần Xuân H và bà Hoàng Thị L chuyển đến sống chung với nhau như vợ chồng tại thửa đất 6.080 m^2 giáp ranh gia đình ông Trần Văn K. Trong quá trình chung sống, ông Trần Xuân H và bà Hoàng Thị L có nợ ông 02 chỉ vàng 24k để mua đất ở và 4.425.000 đồng (tiền hùn vốn chung làm nấm mèo).

Ngày 19/6/1994, ông Trần Xuân H chết, bà Trần Thị D (con ruột ông Trần Xuân H) khởi kiện chia tài sản chung. Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DS-PT ngày 12/5/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé tuyên xử:

- Bà Hoàng Thị L được quyền sở hữu nhà và quyền quản lý thổ cư cùng cây trái diện tích 6.080 m^2 tại ấp 1, xã Minh Long, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé sau khi đã trả nợ cho ông Trần Văn K và hoàn trả phần bà Trần Thị D được hưởng của ông Trần Xuân H.

- Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Văn K 2.212.500 đồng và 01 chỉ vàng 24k 95% và hoàn trả cho bà Trần Thị D số tiền 2.212.500 đồng.

- Quản thủ nhà, đất đã giao cho bà Hoàng Thị L sở hữu, sử dụng để đảm bảo thi hành án."

Sau khi bản án trên có hiệu lực pháp luật, bà Hoàng Thị L bỏ đi nơi khác từ năm 1995 và không trả nợ cho ông Trần Văn K, vườn đất bỏ hoang. Ông Trần Văn K đề nghị chính quyền địa phương cho ông được sử dụng, canh tác diện tích đất của bà Hoàng Thị L

để trừ nợ tiền và vàng mà bà Hoàng Thị L nợ ông nhưng chưa trả. Từ năm 1994 đến năm 2009, ông Trần Văn K đã đóng thuế cho diện tích 6.080 m^2 đất của bà Hoàng Thị L (diện tích theo GCNQSDĐ là 6.950 m^2).

Về diện tích đất 4.855 m^2 ấp 6, xã Minh Long, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước:

Diện tích đất tranh chấp này có nguồn gốc là của Hợp tác xã Điền Trâm quản lý. Năm 1987, ông Trần Văn K làm đơn xin cấp thêm 02 ha (ngang 100m x sâu 200m) đất để trồng điều và bạch đàn và được lãnh đạo Hợp tác xã Điền Trâm xác nhận chấp thuận. Năm 1989, Hợp tác xã Điền Trâm thu hồi diện tích đất ngang 49m x sâu 100m, còn lại phần đất ông Trần Văn K xin khai phá thì không thu hồi và tiếp tục sản xuất, đóng thuế từ năm 1994 đến nay.

Năm 1999, nhà nước có chủ trương đo đạc chính quy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ). Ông Trần Văn K đã đứng ra kê khai và được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ số O 883223 vào sổ cấp giấy chứng nhận 01186, cấp ngày 16/12/1999, diện tích là 58.162 m^2, tọa lạc tại ấp 6, xã Minh Long, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước cho hộ gia đình ông (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ của ông Trần Văn K), gồm 4 thửa:

- Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 05, diện tích 23.388 m^2
- Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.765 m^2
- Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 16, diện tích 25.059 m^2
- Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.950m^2.

Trong đó có diện tích đất 6.080 m^2 đất và 4.855 m^2 mà sau này có xảy ra tranh chấp với bà Hoàng Thị L , ông Trần Kim T.

Tháng 02/2009, UBND xã Minh Long mời ông Trần Văn K đến để giải quyết tranh chấp đất đai với ông Trần Mạnh C (được bà Hoàng Thị L ủy quyền) và ông Trần Kim T vì cho rằng trong tổng số diện tích đã cấp cho gia đình ông có diện tích đất của bà Hoàng Thị L là 6.950 m^2 và diện tích đất của ông Trần Kim T là 4.855 m^2.

Ngày 05/6/2009, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1880/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Cường với nội dung công nhận đơn khiếu nại của ông Cường, đề nghị ông Trần Văn K trả lại quyền sử dụng thửa đất số 76, tờ bản đồ số 16 cho bà Hoàng Thị L và Quyết định số 1882/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Kim T với nội dung công nhận đơn khiếu nại của ông Trần Kim T, buộc ông Trần Văn K trả lại quyền sử dụng diện tích 4.855m^2 đất đã mượn tại thửa đất số 71, tờ bản đồ 16 cho ông Trần Kim T.

Không đồng ý với 02 Quyết định trên, ngày 19/6/2009 ông Trần Văn K làm đơn khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Phước và UBND tỉnh ban hành Công văn số 3005/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 với nội dung chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện C thu hồi 02 Quyết định trên do giải quyết sai thẩm quyền. Ngày 09/10/2009 và ngày 12/10/2009, UBND huyện C đã ban hành Quyết định 5540/QĐ-UBND và Quyết định 5546/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 1880 và Quyết định 1882.

Tuy nhiên sau đó, UBND tỉnh Bình Phước lại ban hành Công văn số 3507/UBND-TD và Công văn số 3510/UBND-TD ngày 20/10/2010 với nội dung chỉ đạo UBND huyện C thu hồi GCNQSDĐ của gia đình ông Trần Văn K để trả lại quyền sử dụng đất cho ông Trần Kim T và bà Hoàng Thị L . Ngày 05/01/2011, gia đình ông Trần Văn K

nhận được Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND huyện C về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông Trần Văn K và cấp lại cho các hộ có liên quan (sau đây viết tắt là Quyết định 5227/QĐ-UBND). Sau đó, bà Hoàng Thị L đã liên hệ Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là VPĐKQSDĐ) để làm các thủ tục để được cấp GCNQSDĐ và đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BE 194210, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh B (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ của bà Hoàng Thị L). Sau khi được UBND huyện cấp GCNQSDĐ, ông Trần Mạnh C (do bà Hoàng Thị L ủy quyền) đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 6.950 m^2 này cho ông Hà Duy P. Đến ngày 14/02/2015, ông Hà Duy P được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BX 859739 đối với diện tích đất này. Ngày 21/5/2015, ông Hà Duy P đã thuê người đến thửa đất số 76, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.950 m^2 (thửa đất đang tranh chấp) chặt phá cây cao su giống Strum hơn 02 năm tuổi của gia đình ông.

Không đồng ý với nội dung Quyết định 5227/QĐ-UBND, ông Trần Văn K đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện C và theo Thông báo số 45/TB-TA ngày 21/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện C đã xác nhận là ngày 25/02/2011, Tòa án có nhận của ông Trần Văn K đơn khởi kiện Quyết định 5227/QĐ-UBND nhưng không được Tòa án giải quyết.

Đồng thời ông Trần Văn K cũng làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện C về việc UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị L đã cấp chồng lên đất nhà ông Trần Văn K và kiến nghị thu hồi GCNQSDĐ số BE194210 thửa đất số 76, tờ bản đồ số 16 đã cấp cho bà Hoàng Thị L . Ngày 12/03/2014, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định 519/QĐ-UBND) có nội dung bác đơn khiếu nại của ông với lý do việc cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị L là căn cứ vào Công văn 3507/UBND-TD và 3510/UBND-TD của UBND tỉnh Bình Phước là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Quyết định 519/QĐ-UBND, ông Trần Văn K tiếp tục làm đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước giải quyết bằng Quyết định 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 (sau đây viết tắt là Quyết định 1608/QĐ-UBND) với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn K.

Ngày 11/6/2015, ông Trần Văn K làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân tỉnh Bình Phước, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 5227/QĐ-UBND, Quyết định số 519/QĐ-UBND và Quyết định 1608/QĐ-UBND. Đồng thời làm đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (sau đây viết tắt là BPKCTT) ngăn chặn việc sang nhượng, chuyển dịch và chặt phá tài sản đối với diện tích 6.950 m^2 đất mà bà Hoàng Thị L đã chuyển nhượng cho ông Phương.

Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết thì ngày 26/10/2015, UBND xã Minh Long đã gửi giấy mời ông Trần Văn K đến Phòng họp UBND xã Minh Long vào lúc 14 giờ ngày 28/10/2015 để nghe công bố và nhận Quyết định 2118/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND huyện C (sau đây viết tắt là Quyết định 2118/QĐ-UBND). Nội dung Quyết định này là hủy GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông Trần Văn K. Gia đình ông Trần Văn K không đồng ý với Quyết định 2118/QĐ-UBND vì gia đình ông Trần Văn K đã khởi kiện và đang được Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hành chính tại Tòa án tỉnh Bình Phước. Ngày 27/11/2015, ông Trần Văn K làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 2118/QĐ-UBND. Đồng thời đề nghị Tòa án duy trì Biện pháp

khẩn cấp tạm thời số 02/2015/QĐ-BPKCTT ngày 03/6/2015 và tuyên hủy Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 về công nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 ngày 09/9/2011 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Kim T, hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 mang tên ông Hà Duy P và đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Hà Duy P bồi thường 7.965 cây cao su giống (stum) 02 năm tuổi đã bị chặt gốc từ mặt đất lên là 50 cm với số tiền là: 7.965 x 2.200 đồng = 17.523.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm hai mươi ba ngàn đồng) (BL 307) cho ông Trần Văn K và xem xét hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ của ông Trần Mạnh C và ông Hà Duy P. Ngày 18/3/2016, ông Trần Văn K mất, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị C, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị Bích C và ông Trần Văn V, bà Trần Thị T1, ông Trần Văn D: Bà Trần Thị T (là vợ, con ruột của ông Trần Văn K) thống nhất tiếp tục tham gia vụ án với tư cách là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn K.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước trình bày:

Thửa đất mà ông Trần Văn K khiếu nại có diện tích 6.950 m^2, nguồn gốc do ông Trần Xuân H và bà Hoàng Thị L nhận sang nhượng của ông Lê Doãn Quyền. Năm 1994, ông Trần Xuân H chết, bà Trần Thị Kim Dung (con gái ông Trần Xuân H) khởi kiện vụ án dân sự đòi tài sản thừa kế ông Trần Xuân H để lại. Theo bản án dân sự phúc thẩm số 39/DS-PT ngày 12/5/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Sông Bé (cũ), bà Hoàng Thị L được quyền sử dụng diện tích 6.080 m^2 (nay đo đạc chính quy là 6.950 m^2), đồng thời bà Hoàng Thị L phải trả nợ cho ông Trần Văn K là 2.212.500 đồng và 01 chỉ vàng 24K mà trước đây ông Trần Xuân H và bà Hoàng Thị L nợ của ông Trần Văn K, bà Trần Thị D hoàn trả cho ông Trần Văn K 01 chỉ vàng 24K và nhận 01 xe Honda từ bà Hoàng Thị L .

Sau khi bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, bà Hoàng Thị L bỏ về quê và chưa thanh toán khoản nợ trên cho ông Trần Văn K, đồng thời ông Trần Văn K cũng không yêu cầu cơ quan chức năng thi hành bản án. Năm 1999, UBND xã Minh Long có chủ trương đo đạc chính quy cấp GCNQSDĐ cho toàn thể nhân dân trong xã. Tại thời điểm đó, ông Trần Văn K đứng ra kê khai đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất trên và được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ, trong đó có diện tích 6.950 m^2 đất của bà Hoàng Thị L .

Năm 2008, bà Hoàng Thị L phát hiện ông Trần Văn K là người sử dụng đất liền kề đã kê khai đất của mình và đã được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ, nên bà Hoàng Thị L ủy quyền cho ông Trần Mạnh C (con ông Trần Xuân H) làm đơn khiếu nại lên UBND xã Minh Long để được xem xét giải quyết. Các bên được mời lên hòa giải nhưng không thành, hồ sơ chuyển lên UBND huyện C để giải quyết. Ngày 05/6/2009, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1880/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Cường với nội dung công nhận đơn khiếu nại của ông Cường. Không đồng ý với Quyết định này, ông Trần Văn K làm đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 17/9/2009, UBND tỉnh ban hành Công văn số 3005/UBND-TD với nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi quyết định 1880, hướng dẫn các bên làm đơn khởi kiện gửi TAND huyện C để được giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi nhận được Công văn trên, UBND huyện C ban hành Quyết định số 5540/QĐ-UBND ngày 09/10/2009 về việc thu hồi Quyết định số 1880.

Sau khi UBND huyện C thu hồi Quyết định số 1880, ông Cường (được bà Hoàng Thị L ủy quyền) làm đơn khiếu nại việc UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho ông Trần

Văn K không đúng nguồn gốc gửi Phòng Tiếp công dân – UBND huyện C, tuy nhiên đơn khiếu nại của ông không được xử lý. Vì vậy, ông làm đơn gửi UBND tỉnh để được được xem xét. Do vụ việc đã kéo dài mà UBND huyện không giải quyết, nên UBND tỉnh nhận đơn kiến nghị của ông Cường để giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu giải quyết.

Ngày 20/10/2010, UBND tỉnh ban hành Công văn số 3507 về việc giải quyết đơn của ông Cường với nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND huyện C thu hồi GCNQSDĐ của ông Trần Văn K, để điều chỉnh diện tích đất 6.950 m^2 đã cấp sai quy định và cấp lại GCNQSDĐ cho ông Trần Văn K, bà Hoàng Thị L . Không đồng ý với Công văn trên, ông Trần Văn K làm đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh và được trả lời bằng Công văn số 856/UBND-TD với nội dung UBND tỉnh ban hành Công văn 3507 là đúng quy định và việc ông Trần Văn K cho rằng UBND tỉnh bàn hành Công văn trên sai thẩm quyền, sai quy định và yêu cầu thu hồi, UBND huyện C cấp GCNQSDĐ sai quy định thì không được phép thu hồi là không có cơ sở.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 13/12/2010, UBND huyện C ban hành Quyết định 5227/QĐ-UBND. Ngày 25/5/2011, UBND xã Minh Long mời các bên có liên quan (ông Trần Văn K, bà Hoàng Thị L , ông Trần Kim T) đến để công bố và trao Quyết định 5227/QĐ-UBND tuy nhiên ông Trần Văn K không nhận Quyết định và không ký vào biên bản. Sau khi Quyết định 5227/QĐ-UBND có hiệu lực, ông Trần Văn K không liên hệ với VPĐKQSDĐ huyện C để giao nộp GCNQSDĐ và làm thủ tục đăng ký cấp lại GCNQSDĐ theo quy định.

Năm 2011, bà Hoàng Thị L được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ.

Năm 2013, ông Trần Văn K làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện C với lý do cho rằng UBND huyện C cấp đất cho bà Hoàng Thị L chồng lên diện tích đất của gia đình ông và kiến nghị thu hồi GCNQSDDĐ của bà Hoàng Thị L . Ngày 12/3/2014, UBND huyện C ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông với nội dung bác đơn khiếu nại.

Không đồng ý với nội dung Quyết định số 519/QĐ-UBND , ông Trần Văn K làm đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 24/7/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1608/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn K với nội dung bác đơn khiếu nại.

Quan điểm của người bị khởi kiện (Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước): Trình tự, thủ tục ban hành và nội dung Quyết định số 1608/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K, người bị kiện (Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước) không đồng ý.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện C và UBND huyện C trình bày:

Thực hiện Công văn số 3507 của UBND tỉnh Bình Phước chỉ đạo UBND huyện C thu hồi GCNQSDĐ của ông Trần Văn K và cấp lại cho các hộ liên quan, ngày 13/12/2010, UBND huyện C ban hành Quyết định 5227/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Trần Văn K và cấp lại GCNQSDĐ cho các hộ liên quan. Sau khi ban hành Quyết định 5227/QĐ-UBND, UBND xã Minh Long mời ông Trần Văn K đến để công bố và trao Quyết định 5227/QĐ-UBND nhưng ông Trần Văn K không nhận quyết định và cũng không ký vào biên bản. UBND xã Minh Long có Báo cáo số 33/BC-UBND ngày 26/7/2011 về việc ông Trần Văn K không nhận Quyết định 5227/QĐ-UBND. Đến nay, ông Trần Văn K vẫn chưa thực hiện việc giao nộp GCNQSDĐ.

Căn cứ vào Quyết định 5227/QĐ-UBND, ngày 14/6/2011, bà Hoàng Thị L có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Hồ sơ của bà Hoàng Thị L được VPĐKQSDĐ huyện thẩm tra ngày 31/8/2011, phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định và được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ kèm theo Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 14/9/2011 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ 16, diện tích 6.950 m^2 tại ấp 6, xã Minh Long. Đến năm 2014, bà Hoàng Thị L (ủy quyền cho ông Cường) chuyển nhượng QSDĐ đối với diện tích 6.950 m^2 trên cho ông Hà Duy P. Hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ tại Văn phòng Công chứng Gia Khang tại thị trấn Chơn Thành và đã thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan về việc chuyển nhượng QSDĐ tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 14/02/2015, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 cho ông Hà Duy P.

Cũng dựa vào Quyết định 5227/QĐ-UBND, ngày 20/4/2011, ông Trần Kim T có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và được UBND xã Minh Long xác nhận ngày 11/5/2011. Hồ sơ của ông Trần Kim T được VPĐKQSDĐ huyện thẩm tra ngày 03/8/2011, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định và được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BE 194229, vào sổ cấp số CH 00461 (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ của ông Trần Kim T), kèm theo Quyết định số 2864 ngày 09/9/2011, diện tích 9.359 m^2, trong đó có phần diện tích 4.855 m^2 trước đó đã cấp nhầm cho ông Trần Văn K.

Ngày 12/10/2013, ông Trần Văn K làm đơn kiến nghị về việc UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị L chồng lên đất của gia đình ông và kiến nghị thu hồi GCNQSDĐ của bà Hoàng Thị L . Ngày 12/3/2014, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 519/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn K. Không đồng ý với Quyết định 519/QĐ-UBND, ông tiếp tục làm đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước giải quyết bằng Quyết định 1608/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của ông, công nhận Quyết định 519/QĐ-UBND và giao Chủ tịch UBND huyện C chỉ đạo VPĐKQSDĐ, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C lập thủ tục chỉnh lý đối với GCNQSDĐ của hộ ông Trần Văn K.

Ngày 01/8/2014, UBND huyện C ban hành Công văn số 64/UBND-NC chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND huyện thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh theo Quyết định số 1608/QĐ-UBND và Phòng Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo VPĐKQSDĐ thực hiện các thủ tục chỉnh lý GCNQSDĐ của ông Trần Văn K.

Ngày 11/8/2014, VPĐKQSDĐ ban hành Công văn số 72/VPĐKQSDĐ yêu cầu hộ ông Trần Văn K giao nộp GCNQSDĐ cho VPĐKQSDĐ để chỉnh lý trong thời hạn 30 ngày, tuy nhiên ông Trần Văn K từ chối nhận Công văn này. Do đó, VPĐKQSDĐ có Báo cáo số 38/BC-VPĐKQSDĐ báo cáo phòng Tài nguyên và Môi trường về việc ông Trần Văn K không giao nộp GCNQSDĐ.

Ngày 06/10/2015, phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 547/TTr-TNMT đề nghị UBND huyện hủy GCNQSDĐ của ông Trần Văn K. Trên cơ sở đó, ngày 19/10/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 2118/QĐ-UBND về việc hủy GCNQSDĐ của hộ ông Trần Văn K. Thực hiện Quyết định 2118/QĐ-UBND, UBND xã Minh Long đã tiến hành công bố và trao Quyết định số 2118/QĐ-UBND cho bà Nguyễn Ngọc Diễm H (ông Trần Văn K ủy quyền).

Quan điểm của người bị kiện UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C: Trình tự, thủ tục ban hành và nội dung của Quyết định 5227/QĐ-UBND, Quyết đinh 519/QĐ-UBND và Quyết định số 2118/QĐ-UBND, GCNQSDĐ số BE 194229, vào sổ cấp số CH 00461 ngày 09/9/2011 kèm theo Quyết định số 2864 ngày 09/9/2011 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Kim T và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 do UBND huyện C cấp ngày 14/02/2015 cho ông Hà Duy P là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K, UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C không đồng ý.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim T là bà Nguyễn Thị Tuyết T, bà Trần Thị Tuyết Kim T, bà Trần Thị Đoan T và thống nhất trình bày, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tuyết T là ông Phạm Văn Viện:

Năm 1991, chồng bà Nguyễn Thị Tuyết T là ông Trần Kim T lên xã Minh Long, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé (nay là huyện C, tỉnh Bình Phước) để chăm nom đất cho ông Phan Thanh Duyên. Năm 1992, ông Duyên đề nghị chuyển nhượng QSDĐ cho chồng bà Trinh và vợ chồng bà Trinh đã nhờ cha mẹ bà Trinh ở Bình Dương là ông Nguyễn Văn Bao và bà Nguyễn Thị Năm đứng ra giúp và được ông Bao, bà Năm đồng ý. Sau đó, ông Duyên đã viết giấy tay sang lại diện tích khoảng gần 01 ha: ngang 48m, dài 200 và đưa 01 số giấy tờ mà ông nhận chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất này của những người khác là ông Trịnh Đình Thông và ông Phan Đắc Thời. Cụ thể về nguồn gốc đất này bà Trinh cho rằng: Thửa đất khoảng 01 ha này có nguồn gốc là của Hợp tác xã Điền Trâm quản lý. Năm 1987, ông Phạm Sơn – Đội trưởng đội 3, Hợp tác xã Điền Trâm chấp thuận cho ông Trịnh Quốc Đà sử dụng và được UBND xã Minh Long xác nhận. Sau đó ông Trịnh Quốc Đà sang nhượng giấy tay cho ông Phan Thanh Duyên. Ngoài ra do phần đất phía nam có cạnh dài ngắn theo mương nước bị đuôi chuột nên ông Duyên đề nghị ông Phan Đắc Thời người có đất liền ranh về phía nam sang nhượng lại 600 m^2 đất cho vuông cạnh phía sau và được ông Thời đồng ý. Sự sang nhượng có UBND xã Minh Long xác nhận. Thửa đất của bà Trinh có tứ cận: Đông giáp đất ông Trần Văn K, Tây giáp ruộng ông Trần Văn K, nam giáp đất ông Phan Đắc Thời; ngang trên 49m, ngang dưới 40m.

Năm 1993, ông Trần Kim T làm đơn xin cấp GCNQSDĐ và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc, cùng với sự có mặt của ông Trần Văn K (có 02 bên đất giáp ranh) dẫn dây, giăm chỗ. Sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật, ông Trần Kim T được cấp GCNQSDĐ số 3729 vào sổ địa chính số 52, cấp ngày 13/12/1993, tổng diện tích là 60.170 m^2 (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ của ông Trần Kim T), trong đó có diện tích 9.770 m^2 đất trồng điều và trực tiếp canh tác trên đất. Trong khoảng thời gian năm 1997-1998, để tiện chăm sóc con cái nên ông Trần Kim T về lại Sài Gòn, vườn tược giao lại cho anh trai bà Trinh chăm sóc. Khoảng năm 1999 – 2000, anh trai bà Trinh phải về quê chăm sóc người cha bị bệnh, vườn tược không có ai trực tiếp chăm nom nên bà Trinh đề nghị với ông Trần Văn K để ông Trần Văn K đứng ra thu hoạch và trông nom vườn điều trong lúc bà không có mặt. Năm 2002, bà Trinh lên thăm vườn thì thấy điều thưa thớt, ông Trần Văn K nói điều bị sâu đục thân chết nên cưa đi lấy củi và đề nghị năm sau cắt hết những cây điều còn lại để làm vườn ươm

cao su và đóng thuế cho miếng đất này, đồng thời hứa trả lại đất khi bà cần lấy lại đất rồng cây khác và được bà đồng ý.

Năm 2006, bà Trinh lên gặp ông Trần Văn K và thông báo là bà sắp lên dựng nhà, trồng cao su tại thửa đất này. Tuy nhiên đến năm 2007, bà Trinh cùng con trai lên đòi lại đất thì phát hiện ông Trần Văn K đã trồng cây cao su cố định trên đất chứ không phải vườn ươm và nói miếng đất này là của ông Trần Văn K.

Gia đình ông Trần Kim T đã làm đơn xin giải quyết tranh chấp QSDĐ gửi UBND xã và được mời lên hòa giải nhưng không thành. Sau đó ông Trần Kim T có làm đơn khởi kiện giải quyết tranh chấp đất đai tại Tòa án nhân dân huyện C nhưng Tòa án ra thông báo trả lại đơn khởi kiện, lý do hết thời hiệu khởi kiện. Sau đó ông Trần Kim T tiếp tục làm đơn khiếu nại và được UBND tỉnh thụ lý, giải quyết bằng Công văn chỉ đạo UBND huyện C thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Trần Văn K năm 1999 và cấp lại cho gia đình ông Trần Kim T. Theo đó UBND huyện C ban hành Quyết định 5227/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Trần Văn K năm 1999 và cấp lại cho gia đình ông Trần Kim T, ông Phương. Căn cứ vào Quyết định 5227/QĐ-UBND, ngày 20/4/2011, ông Trần Kim T có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BE 194229, vào sổ cấp số CH 00461 (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ của ông Trần Kim T), kèm theo Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09/9/2011.

Quan điểm của bà Nguyễn Thị Tuyết T, bà Trần Thị Tuyết Kim T, Trần Thị Đoan T đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn K: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện kiện của ông Trần Văn K và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn K về việc hủy GCNQSDĐ số BE 194229, vào sổ cấp số CH 00461 ngày 09/9/2011 kèm theo Quyết định số 2864 ngày 09/9/2011 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Kim T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L:

Có đơn xin xét xử vắng mặt và ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Mạnh C trình bày:

Năm 1993, bà Hoàng Thị L và ông Trần Xuân H (cha ruột của ông Cường) chuyển đến sống tại ấp 6, xã Minh Long, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé (nay là huyện C, tỉnh Bình Phước). Trong thời gian chung sống, ông Trần Xuân H và bà Hoàng Thị L có nhận chuyển nhượng của ông Lê Doãn Quyền một mảnh đất có diện tích khoảng 7000 m^2. Sau khi ông Trần Xuân H chết, bà Hoàng Thị L sử dụng mảnh đất trên. Tuy nhiên thời gian sau đó bà Hoàng Thị L bị bệnh phải về quê nhưng hàng năm vẫn cử người vào thăm nom vườn.

Năm 1999, ông Trần Văn K là chủ thửa đất liền kề đã đứng ra kê khai và làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ cả phần đất của bà Hoàng Thị L và đã được UBND huyện Bình Long cấp GCNQSDĐ nhưng bà Hoàng Thị L không biết.

Năm 2008, bà Hoàng Thị L ủy quyền cho ông được quyền giải quyết mọi vấn đề pháp lý liên quan và sang nhượng thửa đất nói trên.

Năm 2011, sau khi UBND huyện C ban hành Quyết định 5227/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Trần Văn K và cấp lại GCNQSDĐ cho các hộ liên quan thì bà Hoàng Thị L (ủy quyền cho ông Cường) tiến hành các thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BE 194210, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 16, diện tích 6.950 m^2 đất tọa lạc tại ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh B.

Năm 2014, được sự ủy quyền của bà Hoàng Thị L , ông Cường đã thực hiện việc chuyển nhượng QSDĐ thửa đất nói trên cho ông Hà Duy P và việc chuyển nhượng có làm hợp đồng được công chứng tại Văn phòng Công chứng Gia Khang theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Trần Mạnh C đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K: Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Vì lý do bận làm ăn xa nên xin Tòa án xét xử vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Duy P trình bày:

Vào thời điểm cuối năm 2014, ông có nhận chuyển nhượng QSDĐ một thửa đất diện tích 6.950 m^2 của bà Hoàng Thị L, tọa lạc tại ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh B. Hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ tại Văn phòng Công chứng Gia Khang tại thị trấn Chơn Thành và đã thực hiện đầy đủ các thủ tục liên quan về việc chuyển nhượng QSDĐ tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đến ngày 14/02/2015, ông được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số BX 859739, số thửa 76, tờ bản đồ số 16, số vào sổ cấp giấy CH 01329 (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ của ông Phương). Sau khi nhận được GCNQSDĐ, ông đến canh tác tại thửa đất trên thì gặp phải sự ngăn cản của ông Trần Văn K. Ông đã làm đơn xin giải quyết tranh chấp đất đai gửi cơ quan có thẩm quyền và được mời lên hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Ý kiến của ông Hà Duy P đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K: Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K. Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 (được bổ sung và đính chính theo Thông báo số 03/TB-TA ngày 05/6/2015 và Thông báo số 03/TB-TA ngày 13/7/2015) của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thì ông đồng ý và chấp hành. Vì lý do bận làm ăn xa nên xin Tòa án xét xử vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2017/HS-CT ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 do UBND huyện C cấp ngày 14/02/2015 cho ông Hà Duy P.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K đối với những yêu cầu sau:

1/ Hủy Quyết định 5227/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND huyện C về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Trần Văn K và cấp lại GCNQSDĐ cho các hộ dân có liên quan tại ấp 6, xã Minh Long;

2/ Hủy Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND huyện C về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Kim T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 194229, vào sổ cấp số CH 00461 ngày 09/9/2011 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Kim T;

3/ Hủy Quyết định 2118/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND huyện C ngày 19/10/2015 của UBND huyện C V/v hủy GCNQSDĐ số O 883223 cấp ngày 16/12/1999 của ông Trần Văn K.

4/ Hủy Quyết định 519/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn K;

5/ Hủy Quyết định 1608/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn K;

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2017, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện Trần Văn K là bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về nội dung huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 do UBND huyện C cấp ngày 14/02/2015 cho ông Hà Duy P.

Ngày 28/4/2017, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Kim T là bà Nguyễn Thị Tuyết T có đơn kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K đối với các yêu cầu sau: huỷ Quyết định 5277/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND huyện C về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Trần Văn K và cấp lại GCNQSDĐ cho các hộ dân có liên quan tại ấp 6, xã Minh Long; Huỷ Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND huyện C về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 do UBND huyện C cấp cho ông Trần Kim T và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 194229 vào sổ cấp số CH 00461 ngày 09/9/2011 do UBND huyện Chơn Thanh cấp cho ông Trần Kim T; Huỷ Quyết định 2118/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223 cấp ngày 16/12/1999 của ông Trần Văn K.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Kim T, sửa Bản án sơ thẩm.

Bác kháng cáo của bà Trần Thị Đ là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn K.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K yêu cầu huỷ các Quyết định bao gồm:

- Quyết định 5227/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND huyện C về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Trần Văn K và cấp lại GCNQSDĐ cho các hộ dân có liên quan tại ấp 6, xã Minh Long;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 519/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch UBND huyện C đối với ông Trần Văn K có nội dung giữ nguyên Quyết định số 5227/QĐ-UBND;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 1608/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước đối với ông Trần Văn K có nội dung giữ nguyên Quyết định số 5227/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 519/QĐ-UBND.

- Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND huyện C về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Kim T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 194229 vào sổ cấp số CH 00461 ngày 09/9/2011 do UBND huyện Chơn Thanh cấp cho ông Trần Kim T.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 do UBND huyện C cấp ngày 14/02/2015 cho ông Hà Duy P.

- Quyết định 2118/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND huyện C ngày 19/10/2015 của UBND huyện C V/v hủy GCNQSDĐ số O 883223 cấp ngày 16/12/1999 của ông Trần Văn K.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc số 21/2022/KN-HC ngày 19/8/2022 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, huỷ một phần Bản án hành chính phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần liên quan đến Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của CHủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C, Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P; giao hồ sơ cho Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc số 11/2023/HC-GĐT ngày 13 tháng 4 năm 2023, Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã quyết định:

Huỷ Bản án hành chính phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần liên quan đến Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Uỷ ban

nhân dân huyện C, Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P; giao hồ sơ cho Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm;

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị huỷ Quyết định hành chính là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho người khởi kiện phát biểu:

Trong khi đất đang bị quản thủ để thi hành án thì bà Hoàng Thị L lại chuyển nhượng đất cho ông Phương là sai pháp luật, sau đó UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phương cũng là sai pháp luật. Tại phiên toà hôm nay phát sinh những tình tiết mới cụ thể ông Phương đã chuyển nhượng đất cho ông Lân và ông Lân lại chuyển nhượng đất cho bà Mai Phương thì đây là những giao dịch trái pháp luật vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử huỷ các giao dịch này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn K, ông Trần Kim T và sửa Bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kim T huỷ Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C, huỷ Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đối với diện tích 4.855m^2 đất trồng cây lâu năm tại Thửa đất số 71 (nay là Thửa đất số 203), Tờ bản đồ số 16: Các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện diện tích 4.855m^2 này nằm trong diện tích 01 ha đất mà bố mẹ bà Nguyễn Thị Tuyết T (vợ ông Trần Kim T) nhận chuyển nhượng của ông Phan Thanh Duyên năm 1992. Năm 1999, Uỷ ban nhân dân huyện Bình Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình gia đình ông Trần Văn K bao gồm cả phần đất mà hộ gia đình ông Trần Kim T nhận chuyển nhượng của ông Duyên năm 1992 và ông Trần Kim T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, ngày 13/12/2010 Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5227/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Trần Văn K và ngày 09/9/2011 ban hành Quyết định số 2864/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Kim T, đồng thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 cho gia đình ông Trần Kim T đối với Thửa đất số 203, Tờ bản đồ số 16, ấp 6, xã Minh Long, huyện C, diện tích 9.359m^2 (bao gồm 400m^2 đất ở tại nông thôn và 8.959m^2 đất trồng cây lâu năm) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại Quyết định giám đốc số 11/2023/HC-GĐT ngày 13 tháng 4 năm 2023, Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã nhận định: Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K về việc huỷ Quyết định số 5227/QĐ-UBND, Quyết định số 2864/QĐ-UBND, Quyết định số 2118/QĐ-UBND và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194229 ngày 09/9/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Kim T là có căn cứ. Từ đó Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao chỉ tuyên Huỷ Bản án hành chính phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần liên quan đến Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C, Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P. Như vậy, các quyết định hành chính gồm: *Quyết định 5227/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của UBND huyện C về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Trần Văn K và cấp lại GCNQSDĐ cho các hộ dân có liên quan tại ấp 6, xã Minh Long; Quyết định số 2864/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của UBND huyện C về việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy*

chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Kim T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 194229 vào sổ cấp số CH 00461 ngày 09/9/2011 do UBND huyện Chơn Thanh cấp cho ông Trần Kim T; Quyết định 2118/QĐ-UBND/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND huyện C ngày 19/10/2015 của UBND huyện C V/v hủy GCNQSDĐ số O 883223 cấp ngày 16/12/1999 của ông Trần Văn K; tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính: Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C, Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P:

[3.1] Nguồn gốc diện tích 6.950m^2 đất trồng cây công nghiệp lâu năm thuộc Thửa đất số 76 Tờ bản đồ số 16 là do ông Trần Xuân H và bà Hoàng Thị L (ông Trần Xuân H và bà Hoàng Thị L chung sống với nhau như vợ chồng) nhận chuyển nhượng 6.080m^2 của ông Lê Doãn Quyền năm 1993. Năm 1994 ông Trần Xuân H chết để lại thửa đất nêu trên cho bà Hoàng Thị L sử dụng. Năm 1995, bà Trần Thị D (con gái ông Trần Xuân H) khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu bà Hoàng Thị L trả lại vì thửa đất này là của ông Trần Xuân H.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DSPT ngày 12/5/1995 của Toà án nhân dân tỉnh Sông Bé (cũ) đã xét xử về việc đòi tài sản giữa bà Trần Thị D và bà Hoàng Thi Loan đã quyết định:

"Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị D và yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn K; sửa bản án sơ thẩm lại như sau:

- Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm trả lại chiếc xe Honda cúp 50-81 biển số 37A-636HH cho bà Trần Thị D chiếc xe này hiện do Toà án nhân dân huyện Bình Long quản lý.

- Bà Hoàng Thị L được quyền sở hữu nhà và quyền quản lý đất thổ cư cùng cây trái diện tích 6.080m^2 tại Ấp 1, xã Minh Long, huyện Bình Long sau khi đã trả nợ cho ông Trần Văn K và hoàn trả phần bà Trần Thị D được hưởng của ông Trần Xuân H.

- Bà Hoàng Thị L có trách nhiệm trả nợ cho ông Trần Văn K 2.212.500 đồng và 01 chỉ vàng 24k 95% và có trách nhiệm hoàn trả cho chị Trần Thị D số tiền 2.845.020 đồng là một phần nửa của ông Trần Xuân H trong khối tài sản.

- Quản thủ nhà, đất đã giao cho bà Hoàng Thị L sở hữu, sử dụng để đảm bảo thi hành án.

- Bà Trần Thị D có trách nhiệm trả 01 chỉ vàng 24k 95% cho ông Trần Văn K".

Ngày 201/11/1995, tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Minh Long, đại diện Đội Thị hành án huyện Bình Long lập "Biên bản giải quyết thi hành án" đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DSPT nêu trên với nội dung: "...ông Trần Văn K đồng ý sẽ lấy miếng đất thổ cư của bà Hoàng Thị L và sẽ khấu trừ tất cả các khoản nợ đã nêu trong Bản án của bà Hoàng Thị L và bà Trần Thị D ...giao miếng đất thổ cư diện tích 6.080m^2 và một căn nhà tranh vách đất diện tích 40,79m^2 kể từ nay trở về sau thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn K và ông Trần Văn K có trách nhiệm làm thủ tục giấy tờ hợp pháp vì bà Hoàng Thị L đã cố tình vắng mặt nhiều lần cho nên phần bà Hoàng Thị L không có khiếu nại, thắc mắc gì cả". Biên bản này có xác nhận của Ban Công an xã Minh Long.

[3.2] "Biên bản giải quyết việc thi hành án" nêu trên thể hiện bà Trần Thị D và bà Hoàng Thị L không có mặt khi giải quyết việc thi hành án. Như vậy, Đội Thi hành án huyện Bình Long giao diện tích đất và căn nhà cho ông Trần Văn K khi chưa tiến hành kê biên tài sản bị thi hành án; chưa tiến hành định giá tài sản kê biên và chưa tiến hành bán đầu giá tài sản theo quy định tại Điều 29, Điều 31, Điều 34 Pháp lệnh thi hành án dân sự ngày 17/4/1993 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội là không đúng. Ngày 16/12/1999, Uỷ ban nhân dân huyện Bình Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223 cho hộ gia đình ông Trần Văn K được sử dụng diện tích đất 58.162m^2, bao gồm diện tích đất 6.950m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc Thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16 là không đúng, nên ngày 13/12/2010, Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 5227/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Trần Văn K là có căn cứ. Do ông Trần Văn K không giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 5227/QĐ-UBND nêu trên nên ngày 19/10/2015, Uỷ ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2118/QĐ-UBND về việc huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 883223 ngày 16/12/1999 của hộ gia đình ông Trần Văn K là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ngày 14/9/2011, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 194210 cho bà Hoàng Thị L đối với thửa đất số 76, Tờ bản đồ số 16 cũng là không đúng, vì: tại Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DSPT ngày 12/5/1995, Toà án nhân dân tỉnh Sông Bé đã quyết định bà Hoàng Thị L được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất có diện tích 6.080m^2 tại ấp 1, xã Minh Long, huyện Bình Long sau khi đã trả nợ cho ông Trần Văn K và trả bà Trần Thị D phần tài sản mà bà Trần Thị D được hưởng của ông Trần Xuân H. Bà Hoàng Thị L chưa trả cho ông Trần Văn K và

bà Trần Thị D , tức là chưa thi hành xong các khoản nợ nêu trên. Hơn nữa, theo Bản án dân sự phúc thẩm số 39/DSPT nêu trên thì thửa đất bà Hoàng Thị L được giao quyền sử dụng đã bị "quản thủ" để đảm bảo thi hành án.

[3.3] Ngày 12/9/2014, ông Trần Văn K khởi kiện vụ án hành chính đề nghị huỷ Quyết định số 5227/QĐ-UBND; Quyết định 519/QĐ-UBND và Quyết định 1608/QĐ-UBND nêu trên, nhưng ngày 26/01/201, bà Hoàng Thị L lập hợp đồng chuyển nhượng Thửa đất số 76, Tờ bản đồ 16 cho ông Hà Duy P và ngày 14/02/2015, Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phương là không đúng; vì tại thời điểm chuyển nhượng ông Trần Văn K đã khởi kiện vụ án hành chính và là người đang sử dụng thửa đất nêu trên, thửa đất đang có tranh chấp giữa ông Trần Văn K và bà Hoàng Thị L , nên không thể xác định ông Phương là người thứ ba ngay tình. Vì vậy, Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C và quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước là không đúng quy định của pháp luật. Ngày 14/02/2015, Uỷ ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số BX 859739 cho ông Hà Duy P là không đúng.

[4] Quá trình xét xử phúc thẩm lại, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có công văn xác minh đối giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Hoàng Thị L ngày 14/9/2011. Tại Công văn số 1190/UBND-KTN ngày 05/10/2023 của Uỷ ban nhân dân thị xã Chơn Thành xác định "Khi thực hiện xong thủ tục hành chính đăng ký nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Hà Duy P, ngày 02/3/2015 Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Chơn Thành) đã thực hiện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 194210 vào sổ cấp giấy số CH 00473, ngày 14/9/2011 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho bà Hoàng Thị L theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013". Do đó, không cần thiết phải tuyên huỷ giấy chứng nhận này theo như nhận định Tại Quyết định giám đốc số 11/2023/HC-GĐT ngày 13 tháng 4 năm 2023, Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

[5] Ngoài ra, tại phiên toà phúc thẩm có tình tiết mới, cụ thể: sau khi Bản án phúc thẩm số 877/2019/HC-PT ngày 02/12/2019 có hiệu lực pháp luật, vào ngày 09/4/2020 ông Hà Duy P đã chuyển nhượng Thửa đất số 76, Tờ bản đồ 16 nêu trên cho ông Nguyễn Hoàng L và ngày 25/5/2020 Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 793732 cho ông Nguyễn Hoàng L đứng tên,

đến ngày 08/4/2022 ông Lân chuyển nhượng thửa đất này cho bà Nguyễn Thị Mai P. Do đó, cần phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính này và đưa ông Nguyễn Hoàng L, bà Nguyễn Thị Mai P vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy cần huỷ một phần Bản án sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 31/3/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước về phần liên quan đến Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C, Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P. Đây là tình tiết mới nên việc huỷ một phần Bản án sơ thẩm thì Toà án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị sửa Bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xử nên không được chấp nhận.

[7] Do huỷ một phần Bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 203; Điều 220; khoản khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Huỷ một phần Bản án sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 31/3/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước về phần liên quan đến Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 12/3/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C, Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 24/7/2014 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 859739 ngày 14/02/2015 do Uỷ ban nhân dân huyện C cấp cho ông Hà Duy P.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được quyết định khi Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí hành chính phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 015037 ngày 10/5/2017 và hoàn trả cho bà Trần Thị Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 015048 ngày 26/5/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- CCTHA dân sự tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, N. Thuy).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Minh Thịnh